

Số: 82 /2024/QĐST - DS

Ba Tri, ngày 20 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 206/2024/TLST - DS ngày 27 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu V, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Võ Trần D, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh B.

Bị đơn: 1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1969;

2. Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Ông H ủy quyền cho bà L

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Lê Văn H và bà Võ Thị Kim L có nghĩa vụ L đời trả cho chị Nguyễn Thu V số tiền 91.000.000đ (chín mươi một triệu đồng).

Thời gian ông Lê Văn H và bà Võ Thị Kim L có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên cho chị Nguyễn Thu V được thực hiện trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm do hòa giải thành được giảm 50%: 2.275.000đ (hai triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), mỗi bên có nghĩa vụ chịu một nửa số tiền án phí. Tuy nhiên, bị đơn ông H, bà L đồng ý L đới nộp toàn bộ án phí.

+ Do ông H, bà L đồng ý liên đới nộp toàn bộ tiền án phí thay cho chị V nên ông H, bà L phải có nghĩa vụ L đới nộp án phí số tiền 1.137.500đ (một triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

+ Bà L là thân nhân liệt sĩ được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ, bà L có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp tiền án phí phần bà L phải chịu là 568.750đ (năm trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên ông Hoàng phải có nghĩa vụ nộp án phí số tiền 568.750đ (năm trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thu V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.332.000đ (hai triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001110 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi Cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm